Phụ biểu số 02:

DANH SÁCH CÁC HỘ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIỆT HẠI DO MƯA LŨ, BÃO SỐ 11 (MATMO) GÂY RA

(Kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND P. Phan Đình Phùng)

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
1	Nguyễn Hữu Long	Tổ 27	0.0709			425,400
2	Nguyễn Thị Thủy	Tổ 27	0.1301			780,600
3	Nguyễn Văn Quang	Tổ 27	0.10854			651,240
4	Nguyễn Văn Huynh	Tổ 27	0.0405			243,000
5	Bùi Ngọc Tuấn	Tổ 27	0.0693			415,800
6	Bùi Ngọc Toản	Tổ 27	0.042			252,000
7	Bùi Ngọc Tuyên	Tổ 27	0.0345			207,000
8	Nguyễn Thị Lan	Tổ 27	0.0845			507,000
9	Nguyễn Văn Kính	Tổ 27	0.0297			178,200
10	Nguyễn Thị Bảy	Tổ 27	0.0496			297,600
11	Nguyễn Văn Vượng	Tổ 27	0.0178			106,800
12	Lê Thị Thìn	Tổ 27	0.1036			621,600
13	Nguyễn Văn Tôn	Tổ 27	0.1293			775,800
14	Nguyễn Thị An	Tổ 27	0.0428			256,800
15	Nguyễn Văn Hán	Tổ 27	0.1788			1,072,800
16	Đặng Đông Quang	Tổ 27	0.0674			404,400
17	Nguyễn Văn Thủ	Tổ 27	0.0334			200,400
18	Bùi Thị Nhâm	Tổ 27	0.0418			250,800
19	Bùi Thị Loan	Tổ 27	0.0395			237,000
20	Đặng Ngọc Triệu	Tổ 27	0.1			600,000
21	Đặng Văn Cường	Tổ 27	0.044			264,000
22	Đặng Thị Nhung	Tổ 27	0.0237			142,200
23	Đặng Thị Tuyết	Tổ 27	0.023			138,000
24	Vũ Thị Mai	Tổ 27	0.0348			208,800

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
25	Đặng Văn Long	Tổ 27	0.0599			359,400
26	Nguyễn Thị Thắm	Tổ 27	0.0307			184,200
27	Phạm Thị Chuyên	Tổ 27	0.0597			358,200
28	Nguyễn Thị Ly	Tổ 27	0.1279			767,400
29	Nguyễn Văn Tuyển	Tổ 27	0.0539			323,400
30	Nguyễn Thị Sim	Tổ 27	0.0507			304,200
31	Bùi Xuân Hòa	Tổ 27	0.0373			223,800
32	Nguyễn Thị Nụ	Tổ 27	0.09695			581,700
33	Bùi Thị Ngọc	Tổ 27	0.0575			345,000
34	Phạm Thị Thúy Hoài	Tổ 27	0.0628			376,800
35	Nguyễn Thị Hồng	Tổ 27	0.0456			273,600
36	Nguyễn Thị Thùy Liễu	Tổ 27	0.0533			319,800
37	Nguyễn Thị Thơm	Tổ 27	0.0409			245,400
38	Đỗ Văn Chi	Tổ 27	0.1433			859,800
39	Hồ Thị Phương	Tổ 27	0.0698			418,800
40	Lương Thị Dần	Tổ 27	0.0436			261,600
41	Phạm Văn Hồng	Tổ 27	0.0556			333,600
42	Phạm Thị Phương	Tổ 27	0.0606			363,600
43	Nguyễn Thị Nga	Tổ 27	0.0761			456,600
44	Bùi Văn Thông	Tổ 27	0.0273			163,800
45	Trần Thị Nga	Tổ 27	0.03			180,000
46	Vũ Văn Phương	Tổ 27	0.2344			1,406,400
47	Nguyễn Thị Kính	Tổ 27	0.0629			377,400
48	Lê Vĩnh Lân	Tổ 27	0.0752			451,200
49	Đỗ Xuân Mai	Tổ 27	0.042			252,000
50	Đỗ Xuân Luật	Tổ 27	0.0218			130,800
51	Hà Thanh Phong	Tổ 27	0.06394			383,640
52	Nguyễn Thị Yến	Tổ 27	0.0636			381,600
53	Bùi Ngọc Thuận	Tổ 27	0.0443			265,800

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
54	Nguyễn Xuân Vinh	Tổ 27	0.0602			361,200
55	Đào Thị Thu	Tổ 27	0.0484			290,400
56	Nguyễn Văn Thiệp	Tổ 27	0.0474			284,400
57	Trần Văn Kinh	Tổ 27	0.0593			355,800
58	Phan Văn Thanh	Tổ 28	0.101			606,000
59	Nguyễn Văn Chung	Tổ 28	0.065			390,000
60	Nguyễn Văn Tám	Tổ 28	0.0724			434,400
61	Nguyễn Xuân Thủy	Tổ 28	0.015			90,000
62	Nguyễn Thị Tâm	Tổ 28	0.02526			151,560
63	Nguyễn Thị Vân	Tổ 28	0.07167			430,020
64	Hồ Sỹ Viễn	Tổ 28	0.06			360,000
65	Đỗ Văn Hoàng	Tổ 28	0.018			108,000
66	Đỗ Văn Bằng	Tổ 28	0.04932			295,920
67	Bùi Văn Nhất	Tổ 28	0.0736			441,600
68	Phạm Văn Hòa	Tổ 28	0.05			300,000
69	Nguyễn Văn Tý	Tổ 28	0.2851			1,710,600
70	Nguyễn Văn Dương	Tổ 28	0.0525			315,000
71	Nguyễn Văn Thu	Tổ 28	0.0385			231,000
72	Trần Thị Hoa (Uyển)	Tổ 28	0.0471			282,600
73	Phan Thanh Hải	Tổ 29	0.0319			191,400
74	Nguyễn Văn Tình	Tổ 31	0.0429			257,400
75	Nguyễn Văn Nhâm	Tổ 31	0.025			150,000
76	Phạm Văn Chung	Tổ 39	0.0692			415,200
77	Nguyễn Văn Thuận	Tổ 39	0.1508			904,800
78	Hoàng Thị Bình	Tổ 39	0.022			132,000
79	Nguyễn Mạnh Cường	Tổ 39	0.0636			381,600
80	Nguyễn Thị Lan	Tổ 39	0.0815			489,000
81	Nguyễn Văn Ngọc	Tổ 39	0.07			420,000
82	Nguyễn Thị Tĩnh	Tổ 39	0.0392			235,200

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
83	Nguyễn Thị Thanh	Tổ 39	0.093			558,000
84	Nguyễn Thị Luyện	Tổ 39	0.04			240,000
85	Nguyễn Thị Hiền	Tổ 39	0.1306			783,600
86	Nguyễn Thị Mùi	Tổ 39	0.108			648,000
87	Nguyễn Văn Dinh	Tổ 39	0.03			180,000
88	Nguyễn Văn Thưởng	Tổ 39	0.034			204,000
89	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	Tổ 39	0.0716			429,600
90	Dương Quý Long	Tổ 39	0.058			348,000
91	Nguyễn Văn Mão	Tổ 40	0.2525			1,515,000
92	Nguyễn Văn Hùng	Tổ 40	0.0773			463,800
93	Nguyễn Thị Quỳnh	Tổ 40	0.0525			315,000
94	Tạ Thị Duyên	Tổ 40	0.14			840,000
95	Nguyễn Quốc Toàn	Tổ 40	0.51			3,060,000
96	Đặng Thị Hòa	Tổ 40	0.1434			860,400
97	Nguyễn Văn Quyết	Tổ 40	0.175			1,050,000
98	Nguyễn Thành Viên	Tổ 40	0.1054			632,400
99	Lê Thị Lại	Tổ 40	0.06			360,000
100	Nguyễn Văn Lợi	Tổ 40	0.11873			712,380
101	Nguyễn Khánh Long	Tổ 40	0.0557			334,200
102	Nguyễn Kim Dũng	Tổ 40	0.3076			1,845,600
103	Nguyễn Thị Thủy	Tổ 40	0.1107			664,200
104	Nguyễn Thị Hồng	Tổ 40	0.1			600,000
105	Nguyễn Thanh Nghị	Tổ 40	0.3			1,800,000
106	Nguyễn Thị Thanh	Tổ 40	0.1212			727,200
107	Dương Thị Chất	Tổ 40	0.15			900,000
108	Nguyễn Thanh Tường	Tổ 40	0.1			600,000
109	Đoàn Thị Tiến	Tổ 40	0.14			840,000
110	Nguyễn Văn Sáng	Tổ 40	0.14			840,000
111	Cao Thị Hà	Tổ 40	0.0742			445,200

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
112	Cao Thị Hải	Tổ 40	0.0587			352,200
113	Trần Thị Tự	Tổ 40	0.1741			1,044,600
114	Nguyễn Văn Sự	Tổ 40	0.1299			779,400
115	Nguyễn Thị Hà	Tổ 40	0.0364			218,400
116	Nguyễn Bích Liên	Tổ 40	0.0356			213,600
117	Nguyễn Văn Thu	Tổ 40	0.02			120,000
118	Thiều Thị Hoa	Tổ 40	0.033			198,000
119	Nguyễn Văn Thiết	Tổ 40	0.45			2,700,000
120	Nguyễn Thị Oanh	Tổ 40	0.09518			571,080
121	Nguyễn Văn Thành	Tổ 40	0.04			240,000
122	Dương Quốc Thu	Tổ 40	0.3727			2,236,200
123	Nguyễn Hồng Kiên	Tổ 40	0.22			1,320,000
124	Nguyễn Quang Huy	Tổ 40	0.0608			364,800
125	Nguyễn Văn Hoàn	Tổ 40	0.4631			2,778,600
126	Lê Đình Thản	Tổ 40	0.3451			2,070,600
127	Nguyễn Viết Nhiên	Tổ 40	0.0252			151,200
128	Nguyễn Thị Thục	Tổ 40	0.044			264,000
129	Nguyễn Văn Hòan	Tổ 40	0.1088			652,800
130	Nguyễn Văn Lưu	Tổ 40	0.0713			427,800
131	Nguyễn Quốc Hưng	Tổ 40	0.087			522,000
132	Nguyễn Thanh Hiền	Tổ 40	0.085			510,000
133	Trần Trọng Tập	Tổ 40	0.02113			126,780
134	Đào Thị Phượng	Tổ 40	0.06276			376,560
135	Nguyễn Thị Hải	Tổ 40	0.02605			156,300
136	Nguyễn Văn Hà	Tổ 40	0.0646			387,600
137	Nguyễn Khánh Long	Tổ 40	0.185			1,110,000
138	Nguyễn Quang Chung	Tổ 40	0.084			504,000
139	Nguyễn Văn Hạt	Tổ 40	0.1016			609,600
140	Dương Thị Thanh	Tổ 40	0.0573			343,800

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
141	Nguyễn Hồng Khuyến	Tổ 40	0.0518			310,800
142	Nguyễn Hồng Khánh	Tổ 40	0.0376			225,600
143	Nguyễn Thị Ninh	Tổ 40	0.2262			1,357,200
144	Trần Thị Liễu	Tổ 40	0.06			360,000
145	Nguyễn Thị Huyền	Tổ 40	0.0248			148,800
146	Trần Thị Ninh	Tổ 40	0.0408			244,800
147	Nguyễn Thị Hương	Tổ 40	0.078			468,000
148	Dương Quốc Thuật	Tổ 40	0.4576			2,745,600
149	Nguyễn Văn Tuyền	Tổ 40	0.0711			426,600
150	Phạm Thị Nguyệt	Tổ 40	0.076			456,000
151	Nguyễn Tiến Tranh	Tổ 40	0.192			1,152,000
152	Nguyễn Văn Xuân	Tổ 40	0.025			150,000
153	Nguyễn Dũng Kháng	Tổ 40	0.134			804,000
154	Nguyễn Văn Quang	Tổ 40	0.1019			611,400
155	Nguyễn Thị Thùy	Tổ 40	0.0748			448,800
156	Nguyễn Thị Thơm	Tổ 40	0.0478			286,800
157	Nguyễn Bạch Dược	Tổ 40	0.028			168,000
158	Nguyễn Thanh Hải	Tổ 40	0.1305			783,000
159	Nguyễn Trung Hợi	Tổ 40	0.1854			1,112,400
160	Nguyễn Văn Tuyên	Tổ 40	0.0906			543,600
161	Dương Thị Tuyết	Tổ 40	0.1057			634,200
162	Nguyễn Thanh Xuyên	Tổ 40	0.1125			675,000
163	Dương Quốc Thụ	Tổ 40	0.22			1,320,000
164	Nguyễn Thị Nội	Tổ 40	0.1893			1,135,800
165	Nguyễn Xuân Trang	Tổ 40	0.2129			1,277,400
166	Dương Thị Quỳnh Hương	Tổ 40	0.0752			451,200
167	Lưu Thị Quý	Tổ 40	0.0315			189,000
168	Nguyễn Thị Nhâm	Tổ 40	0.0576			345,600
169	Nguyễn Thị Hơn	Tổ 40	0.0534			320,400

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
170	Nguyễn Thị Là	Tổ 40	0.0567			340,200
171	Hoàng Thị Liên	Tổ 40	0.038			228,000
172	Hoàng Thị Thu	Tổ 40	0.044			264,000
173	Nguyễn Văn Quý	Tổ 40	0.0995			597,000
174	Nguyễn Văn Bằng	Tổ 40	0.0873			523,800
175	Vũ Thị Kim	Tổ 40	0.1136			681,600
176	Nguyễn Thị Xuân	Tổ 40	0.0892			535,200
177	Nguyễn Thị Vui	Tổ 40	0.081			486,000
178	La Thị Thúy	Tổ 40	0.1451			870,600
179	Nguyễn Văn Dương	Tổ 40	0.047			282,000
180	Nguyễn Sơn Hà	Tổ 40	0.2464			1,478,400
181	Nguyễn Văn Quang	Tổ 40	0.1752			1,051,200
182	Nguyễn Văn Suất	Tổ 40	0.1617			970,200
183	Nguyễn Sơn Hà	Tổ 40	0.1879			1,127,400
184	Nguyễn Hữu Tâm	Tổ 40	0.059			354,000
185	Nguyễn Văn Hợi	Tổ 40	0.2705			1,623,000
186	Nguyễn Thị Tuất	Tổ 40	0.097			582,000
187	Nguyễn Văn Phúc	Tổ 40	0.1927			1,156,200
188	Nguyễn Thị Quế	Tổ 40	0.11			660,000
189	Trần Trọng Thể	Tổ 40	0.1805			1,083,000
190	Nguyễn Văn Quảng	Tổ 40	0.1			600,000
191	Nguyễn Văn Toán	Tổ 40	0.0944			566,400
192	Nguyễn Thị Quỳ	Tổ 40	0.1			600,000
193	lê Thị Hồng	Tổ 40	0.14			840,000
194	Nguyễn Thị Thuyết	Tổ 40	0.085			510,000
195	Nguyễn Đình Nhu	Tổ 40	0.2665			1,599,000
196	Nguyễn Trung Thi	Tổ 40	0.35			2,100,000
197	Phạm Thị Mai	Tổ 40	0.07			420,000
198	Nguyễn Hồng Kính	Tổ 40	0.098			588,000

TT	Họ và tên	Địa chỉ (TDP)	Cây hàng năm khác (ha)			Kinh phí hỗ trợ đ)
			Giai đoạn cây con (đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	*Giai đoạn cây đang phát triển (từ 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)*	*Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)*	Tổng NSNN hỗ trợ
199	Lê Văn Cường	Tổ 40	0.16			960,000
200	Trần Thị Quỳnh Hương	Tổ 40	0.0403			241,800
201	Nguyễn Tuyết Nhung	Tổ 40	0.23165			1,389,900
202	Nguyễn Thị Phức	Tổ 40	0.157			942,000
203	Nguyễn Văn Khiêm	Tổ 40	0.1069			641,400
204	Nguyễn Văn Bồng	Tổ 40	0.047			282,000
205	Nguyễn Thị Yến	Tổ 64	0.1			600,000
206	Vũ Xuân Thìn	Tổ 64	0.1			600,000
	Tổng cộng		**20.54578**			**123,274,680**

Phụ biểu 01:

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ THIỆT HẠI VỀ NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 11 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

(Kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND P. Phan Đình Phùng)

STT	Tổ dân phố	Số hộ	Diện tích thiệt hại (ha)	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)
1	Tổ dân phố số 27	57	3.64643	21,878,580
2	Tổ dân phố số 28	15	1.02445	6,146,700
3	Tổ dân phố số 29	1	0.0319	191,400
4	Tổ dân phố số 31	2	0.0679	407,400
5	Tổ dân phố số 39	15	1.0615	6,369,000
6	Tổ dân phố số 40	114	14.5136	87,081,600
7	Tổ dân phố số 64	2	0.2	1,200,000
Tổng		**206**	**20.54578**	**123,274,680**